

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2017/HSST

Ngày: 21-11-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hưng – Bí thư Thành đoàn thành phố Q

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Phó Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hàn My - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thanh N, sinh ngày 22-12-2000, tại Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Học sinh.

Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Lê Thanh V, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-9-2017 đến nay. Bị cáo hiện đang bị tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 02-7-2000, tại Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 8/12.

Con ông Nguyễn H, sinh năm 1973 và bà Đỗ Thị Tuyết S, sinh năm 1978.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-9-2017 đến nay. Bị cáo hiện đang bị tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thanh N:* Ông **Lê Thanh V**, sinh năm 1969 và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1973 và bà **Đỗ Thị Tuyết S**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H:* Ông **Nguyễn Công T**, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (bào chữa theo quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 04, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lưu Văn T**, sinh năm 1974

2. Bà **Thượng Thị C**, sinh năm 1970

3. Anh **Lưu Quốc T**, sinh ngày 19-9-1999

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Ông T vắng mặt, bà C và anh T có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 19-9-2017, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 76E1-374.63 (xe do N mượn của anh Lưu Quốc T) chở Lê Thanh N đi trên đoạn đường Q, thành phố Q theo hướng từ Bắc vào Nam, khi đến gần ngã ba đường Q và đường T thì H và N phát hiện thấy bà Nguyễn Thị T điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước, trên tay trái có đeo 01 túi ni lông màu xanh. H điều khiển xe theo sau xe bà T, đi đến đoạn đường V, thuộc phường C, thành phố Q, H điều khiển xe áp sát bà T để N dùng tay phải giật túi ni lông trên tay bà T, rồi H điều khiển xe chở N tẩu thoát. Sau đó, H và N kiểm tra bên trong túi ni lông có số tiền 22.000.000đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím; 01 hộp nhựa có nhiều bông tai giả; 01 chùm chìa khóa và một số giấy tờ tùy thân. N giữ lại chiếc điện thoại di động để sử dụng, còn số tiền 22.000.000đồng H và N cùng nhau tiêu xài hết 11.400.000đồng, còn lại 10.600.000đồng H và N chia đều mỗi người 5.300.000đồng, số tiền này H đã tiêu xài hết, N tiêu xài còn lại 300.000đồng. Đối với 01 hộp nhựa có nhiều bông tai giả, 01 chùm chìa khóa và một số giấy tờ tùy thân, N và H bỏ lại vào túi ni lông, rồi vứt bỏ (không xác định được địa điểm).

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 59/KL-HĐĐGTTTHS ngày 04-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím trị giá 150.000đồng.

Đối với 01 túi ni long màu xanh; 01 hộp nhựa có nhiều bông tai giả và 01 chùm chìa khóa, bà T không xác định được đặc điểm, giá trị và cũng không có yêu cầu bồi thường nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 92/QĐ-VKS ngày 25-10-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi truy tố: Lê Thanh N và Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh N từ 12 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh N từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại cho bị cáo Lê Thanh N 01 áo khoát dài tay màu đen, có mũ trùm đầu; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 áo khoát dài tay màu đen, 01 quần jean dài màu xanh.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H phát biểu: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức còn hạn chế; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường xong cho người bị hại; người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm

chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Khoảng 12 giờ ngày 19-9-2017, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 76E1-374.63 (xe do N mượn của anh Lưu Quốc T) chở Lê Thanh N đi cướp giật tài sản. Khi phát hiện thấy bà Nguyễn Thị T đang điều khiển xe đạp, trên tay trái có đeo 01 túi ni long màu xanh nên H điều khiển xe theo sau xe bà T. Đến đoạn đường V, thuộc phường C, thành phố Q thì H điều khiển xe áp sát bà T để N dùng tay phải giật túi ni long trên tay bà T (bên trong túi ni long có số tiền 22.000.000đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, loại bàn phím; 01 hộp nhựa có nhiều bông tai giả; 01 chùm chìa khóa và một số giấy tờ tùy thân), rồi H điều khiển xe chở N tẩu thoát.

Các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H đều là những công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công rõ ràng, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện một tội phạm. Trong vụ án này, Nguyễn Văn H là người khởi xướng, còn Lê Thanh N là người chuẩn bị phương tiện để phục vụ cho việc phạm tội nên vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là như nhau. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã cướp giật của bà Nguyễn Thị T là 22.150.000đồng, nhưng do các bị cáo đã dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của bà T khi bà Tuyết đang điều khiển xe đạp lưu thông trên đường nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự, được hướng dẫn tại tiểu mục 5.3 mục 5 phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25-12-2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của họ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình bồi thường xong cho người bị hại; người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội các bị cáo trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức có phần bị hạn chế. Do đó, cần xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về dân sự: Gia đình các bị cáo Lê Thanh N, Nguyễn Văn H đã bồi thường xong cho bà Nguyễn Thị T, bà T cũng đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu xanh bạc, biển kiểm soát 76E1-374.63. Đây là xe mô tô do ông Lưu Văn T đứng tên chủ sở hữu. Do ông T đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nên đã giao xe mô tô nói trên cho vợ là bà Thượng Thị C quản lý, sử dụng. Khi Lưu Quốc T (con của ông T, bà C) cho Lê Thanh N mượn xe mô tô nói trên thì ông T, bà C và anh T đều không biết N sử dụng để đi cướp giật tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô nói trên cho bà C là phù hợp, đúng pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đồng (số seri: BU11824121) và 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đồng (số seri: HT13438843). Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị T đã bị Lê Thanh N và Nguyễn Văn H cướp giật nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T là phù hợp, đúng pháp luật.

- Đối với 01 áo khoát dài tay màu đen, có mũ trùm đầu mà Lê Thanh N mặc khi cướp giật tài sản; 01 áo khoát dài tay màu đen và 01 quần Jean dài màu xanh mà Nguyễn Văn H mặc khi cướp giật tài sản. Đây là những đồ dùng cá nhân của N và H, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H yêu cầu được nhận lại các tài sản nêu trên nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q và người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21-9-2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21-9-2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Lê Thanh N 01 (một) áo khoát dài tay màu đen, có mũ trùm đầu;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) áo khoát dài tay màu đen và 01 (một) quần Jean dài màu xanh.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20-11-2017 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thanh N và Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai, các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Công an Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong